

Số: /BC-UBND

Tam Nông, ngày tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các nhóm tiêu chí thuộc Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện Tam Nông tháng 9/2024

Thực hiện Công văn số 43/UBND-HCC ngày 18/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện báo cáo kết quả thực hiện các nhóm tiêu chí thuộc Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử (*gọi tắt là Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp*) trên địa bàn Huyện tháng 9/2024 như sau:

I. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

1. Đối với huyện Tam Nông

Theo kết quả thực hiện Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công quốc gia (*tại địa chỉ <https://quantri.dichvucong.gov.vn>*), tháng 9/2024 huyện Tam Nông **đạt 91,2/100 điểm (xuất sắc), xếp hạng 02/12 huyện, thành phố.**

- Chi tiết các tiêu chí và số điểm đạt được như sau:

Stt	Nhóm chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Tháng 9 năm 2024	
			Điểm	Tỷ lệ (%)
01	Công khai, minh bạch	18	18	100
02	Tiến độ, kết quả giải quyết	20	19,8 (tăng 0,1)	99,21
03	Dịch vụ công trực tuyến	12	7,3 (tăng 0,1)	77,8
04	Thanh toán trực tuyến	10	9 (tăng 0,2)	90,3
05	Mức độ hài lòng	18	18	100
06	Số hóa hồ sơ	22	19,1 (giảm 0,8)	87

2. Đối với UBND các xã, thị trấn

Điểm số cao nhất là **91,3/100** điểm, điểm thấp nhất là **75,8/100** điểm, trong đó có 03 xã, thị trấn xếp loại xuất sắc; 05 xã xếp loại tốt và 04 xã xếp loại khá, cụ thể:

Stt	Tên đơn vị	Điểm tổng	Điểm từng nhóm tiêu chí					
			Công khai, minh bạch	Tiến độ giải quyết	Dịch vụ trực tuyến	Thanh toán trực tuyến	Mức độ hài lòng	Số hóa hồ sơ
01	Xã Phú Thành A	91.3	18	20	7,5	9	18	18,8
02	Thị trấn Tràm chim	91.1	18	19,8	6,8	9	18	19,5
03	Xã An Long	90.7	18	20	7,5	8,7	18	18,5
04	Xã Tân Công Sính	89.7	18	19,7	7,5	8,4	18	18,1
05	Xã Phú Thọ	88.2	18	19,9	6,8	8,6	18	16,9
06	Xã Phú Cường	84.5	11	19,9	7,5	9	18	19,1
07	Xã Phú Thành B	83.3	11,4	20	7,4	8,7	18	17,8
08	Xã Phú Hiệp	80.9	13,3	19,4	7,3	8,3	18	14,6
09	Xã Phú Đức	79.9	9,6	19,9	5,9	8,4	18	18,1
10	Xã An Hòa	78.6	8,4	19,9	5,4	8,6	18	18,3
11	Xã Phú Ninh	75.9	7	19,6	5,1	8,6	18	17,6
12	Xã Hòa Bình	75.8	8,9	19,2	4,6	8,5	18	16,6

II. NHÓM CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CỦA BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

1. Chỉ số công khai, minh bạch

1.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ TTHC công bố đúng hạn.
- Tỷ lệ TTHC được cập nhật, công khai đúng hạn.
- Tỷ lệ TTHC được công khai có đầy đủ nội dung quy định về các bộ phận cấu thành.
- Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ về Cổng dịch vụ công quốc gia.

1.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số công khai, minh bạch là 18 điểm, đạt tỷ lệ 100%.

1.3. Nguyên nhân: Không.

2. Chỉ số tiến độ, kết quả giải quyết

2.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, đúng hạn.

- Thời gian giải quyết TTHC trung bình theo từng TTHC.

2.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số tiến độ, kết quả giải quyết TTHC là 19,8/20 điểm (*tăng 0,1 điểm so với tháng trước*), đạt 99,21%.

2.3. Nguyên nhân: Trong tháng, tổng số hồ sơ quá hạn thể hiện trên Cổng dịch vụ công quốc gia là **13 hồ sơ và 29 hồ sơ** đang xử lý quá hạn, cụ thể:

Stt	Tên đơn vị	Tổng HS xử lý	Hoàn thành đúng hạn	Hoàn thành quá hạn	Đang xử lý trong hạn	Đang xử lý quá hạn	Tỷ lệ đúng hạn (%)	Tiến độ hoàn thành (100%)
1	Một cửa huyện	59	37	3	12	7	83,05	Không
2	Xã Phú Hiệp	185	156	1	23	5	96,76	Không
3	Xã Tràm Chim	708	692	2	9	5	99,01	Không
4	Xã Hòa Bình	126	112	1	9	4	96,03	Không
5	Xã Phú Ninh	149	138	0	8	3	97,99	Không
6	Xã Tân Công Sính	189	179	1	7	2	98,41	Không
7	Xã Phú Đức	151	130	0	20	1	99,34	Không
8	Xã Phú Cường	288	270	0	17	1	99,65	Không
9	Xã An Hòa	248	242	0	5	1	99,6	Không
10	Xã Phú Thọ	408	374	3	31	0	99,26	Không
11	Xã Phú Thành B	78	73	0	5	0	100	Xong
12	Xã Phú Thành A	1.440	1.425	1	14	0	99,93	Không
13	Xã An Long	401	376	1	24	0	99,75	Không

3. Chỉ số cung cấp dịch vụ công trực tuyến

3.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến.
- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ.

3.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số dịch vụ công trực tuyến là 7,3/12 điểm (*tăng 0,1 điểm so với tháng trước*), đạt tỷ lệ 77,8%, cụ thể:

STT	Tên đơn vị	Tổng hồ sơ	Nộp trực tiếp	Nộp trực tuyến	Tỷ lệ Nộp trực tiếp (%)	Tỷ lệ Nộp trực tuyến (%)	Tiến độ hoàn thành (50%)
1	Xã Phú Hiệp	171	63	108	36.84	63.16	Xong

2	Thị trấn Tràm Chim	594	40	554	6.73	93.27	Xong
3	Xã Hòa Bình	122	45	77	36.89	63.11	Xong
4	Xã Phú Ninh	144	39	105	27.08	72.92	Xong
5	Xã Tân Công Sính	183	30	153	16.39	83.61	Xong
6	Xã Phú Đức	142	38	104	26.76	73.24	Xong
7	Xã Phú Cường	283	46	237	16.25	83.75	Xong
8	Xã An Hòa	243	47	196	19.34	80.66	Xong
9	Xã Phú Thọ	389	87	302	22.37	77.63	Xong
10	Xã Phú Thành B	75	18	57	24	76	Xong
11	Xã Phú Thành A	1.431	388	1.043	27.11	72.89	Xong
12	Xã An Long	385	66	319	17.14	82.86	Xong

3.3. Nguyên nhân: Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ chưa đạt chỉ tiêu được giao (90%), do một số TTHC có cung cấp trực tuyến nhưng người dân không có nhu cầu thực hiện.

4. Chỉ số thanh toán trực tuyến

4.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến.
- Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.
- Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến.

4.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số thanh toán trực tuyến là 9/10 điểm (tăng 0,2 điểm so với tháng trước), đạt 90,3%, cụ thể:

Stt	Tên đơn vị	Hồ sơ cần TTTT	Hồ sơ đã TTTT	Hồ sơ TT hình thức khác	Tỷ lệ đã TTTT (%)	Tiến độ HT (45%)
1	Xã Phú Thành A	850	831	19	97,76	Xong
2	Xã Phú Cường	277	269	8	97,11	Xong
3	Xã Phú Ninh	146	139	7	95,21	Xong
4	Thị trấn Tràm Chim	729	694	35	95,2	Xong
5	Xã Phú Thành B	75	71	4	94,67	Xong
6	Xã Tân Công Sính	191	178	13	93,19	Xong
7	Xã An Long	351	317	34	90,31	Xong
8	Xã An Hòa	250	221	29	88,4	Xong
9	Xã Phú Thọ	366	314	52	85,79	Xong

10	Xã Hòa Bình	96	82	14	85,42	Xong
11	Xã Phú Đức	132	110	22	83,33	Xong
12	Xã Phú Hiệp	173	139	34	80,35	Xong
13	Một cửa huyện	66	43	23	65,15	Xong

4.3. Nguyên nhân: Một số TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến nhưng chưa phát sinh hồ sơ.

5. Chỉ số về mức độ hài lòng

5.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị theo phân loại
- Tiến độ xử lý phản ánh, kiến nghị
- Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị
- Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC

5.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số mức độ hài lòng là 18 điểm, đạt tỷ lệ 100%.

5.3. Nguyên nhân: Không.

6. Chỉ số về số hóa hồ sơ

6.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC thực hiện số hóa.
- Tỷ lệ hồ sơ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.
- Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ tái sử dụng.
- Ứng dụng dữ liệu dân cư trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công.

6.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số số hóa hồ sơ là 19,1.22 điểm (*giảm 0,8 điểm so với tháng trước*), đạt tỷ lệ 87%.

6.3. Nguyên nhân

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử chưa đạt chỉ tiêu 100% theo quy định.

STT	Tên đơn vị	Tổng số HS có kết quả	Tổng HS đã cấp kết quả điện tử	Tỷ lệ HS cấp kết quả điện tử	Tiến độ hoàn thành (100%)
-----	------------	-----------------------	--------------------------------	------------------------------	---------------------------

1	Xã Phú Cường	269	239	88.85	Không
2	Xã Phú Đức	131	104	79.39	Không
3	Xã An Hoà	242	201	83.06	Không
4	Xã Hoà Bình	120	95	79.17	Không
5	Xã Phú Thọ	386	315	81.61	Không
6	Xã Phú Thành A	1.419	1.357	95.63	Không
7	Xã An Long	371	317	85.44	Không
8	Xã Phú Hiệp	166	117	70.48	Không
9	Xã Tân Công Sính	175	153	87.43	Không
10	Xã Phú Ninh	136	111	81.62	Không
11	Xã Phú Thành B	71	55	77.46	Không
12	Thị trấn Tràm Chim	592	570	96.28	Không
13	Huyện Tam Nông	3.831	3.564	93.03	Không

- Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC chưa đạt chỉ tiêu 100% theo quy định.

STT	Tên đơn vị	Tổng số HS phải số hóa	Tổng HS TTHC thực hiện số hóa hồ sơ	Tỷ lệ HS TTHC thực hiện số hóa hồ sơ	Tiến độ hoàn thành (100%)
1	Xã Phú Cường	269	234	86.99	Không
2	Xã Phú Đức	131	104	79.39	Không
3	Xã An Hoà	242	196	80.99	Không
4	Xã Hoà Bình	120	77	64.17	Không
5	Xã Phú Thọ	386	302	78.24	Không
6	Xã Phú Thành A	1.419	1.043	73.5	Không
7	Xã An Long	371	317	85.44	Không
8	Xã Phú Hiệp	166	108	65.06	Không
9	Xã Tân Công Sính	175	153	87.43	Không
10	Xã Phú Ninh	136	105	77.21	Không
11	Xã Phú Thành B	71	55	77.46	Không
12	Thị trấn Tràm Chim	592	554	93.58	Không
13	Huyện Tam Nông	3.877	3.219	83.03	Không

- Khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa chưa đạt chỉ tiêu đề ra.

STT	Tên đơn vị	Tổng số HS có khai thác, sử dụng lại	Tổng HS đã khai thác, sử dụng lại	Tỷ lệ HS đã khai thác, sử dụng lại	Tổng HS chưa khai thác, sử dụng lại	Tỷ lệ HS chưa khai thác, sử dụng lại (%)	Tiến độ đã khai thác, sử dụng lại (50%)
1	Xã Phú Cường	269	261	97.03	8	2.97	Xong
2	Xã Phú Đức	130	128	98.46	2	1.54	Xong
3	UBND Xã An Hoà	235	213	90.64	22	9.36	Xong
4	Xã Hoà Bình	115	72	62.61	43	37.39	Xong
5	Xã Phú Thọ	384	128	33.33	256	66.67	Không
6	Xã Phú Thành A	1.431	803	56.11	628	43.89	Xong
7	Xã An Long	369	252	68.29	117	31.71	Xong
8	Xã Phú Hiệp	164	28	17.07	136	82.93	Không
9	Xã Tân Công Sính	171	82	47.95	89	52.05	Không
10	Xã Phú Ninh	136	100	73.53	36	26.47	Xong
11	Xã Phú Thành B	67	58	86.57	9	13.43	Xong
12	Thị trấn Tràm Chim	590	440	74.58	150	25.42	Xong
13	Huyện Tam Nông	3.829	2.380	62.16	1.449	37.84	Xong

III. KHÓ KHĂN VÀ HẠN CHẾ

1. Vẫn còn phát sinh hồ sơ quá hạn trên Cổng dịch vụ công quốc gia.
2. Số lượng TTHC trực tuyến phát sinh hồ sơ chưa đạt yêu cầu.
3. Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC chưa đạt tỷ lệ 100% theo quy định.
4. Vẫn còn địa phương thực hiện khai thác lại thông tin, dữ liệu đã số hóa chưa đạt yêu cầu.

IV. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CÁC CHỈ SỐ THÁNG TIẾP THEO

1. Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị, địa phương thường xuyên theo dõi, cập nhật tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC để xử lý kịp thời, đúng quy trình và thời gian quy định, hạn chế mức thấp nhất phát sinh hồ sơ quá hạn, trễ hạn trên Hệ thống giải quyết TTHC tỉnh và trên Cổng dịch vụ công quốc gia.
2. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương tích cực rà soát, xác định nguyên nhân dẫn đến hạn chế nêu trên, đề ra giải pháp khắc phục, thực hiện hiệu quả hơn trong thời gian tới; chủ động phối hợp hoặc kịp thời đề xuất, kiến nghị với cơ quan

chức năng hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện Tam Nông tháng 9/2024./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các Phòng chuyên môn thuộc Huyện
- UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo, CVNC Văn phòng;
- Trang Thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, NCHiếu.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Nam